

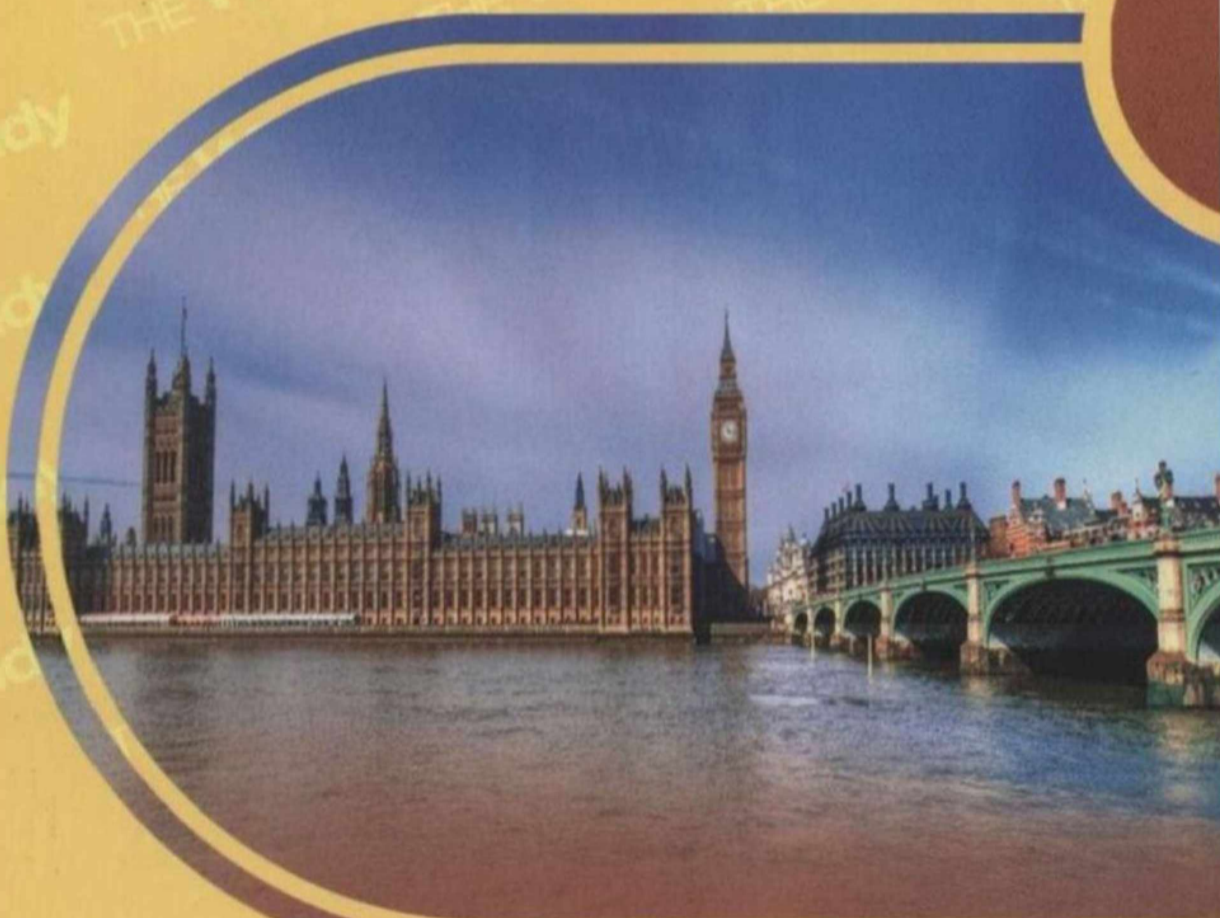
TheWindy

TỪ SÁCH GIÚP HỌC TỐT TIẾNG ANH

Phiên bản
mới nhất
**NEW
EDITION**

Bài tập **NGỮ' PHÁP TIẾNG ANH**

DÀNH CHO HỌC SINH THPT VÀ ÔN THI ĐẠI HỌC



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**BÀI TẬP NGỮ PHÁP
TIẾNG ANH DÀNH CHO THPT**

The Windy
MỸ HƯƠNG (Chủ biên)

BÀI TẬP NGỮ PHÁP TIẾNG ANH DÀNH CHO THPT

Ấn bản mới

- ✓ Mở rộng các chủ điểm ngữ pháp
- ✓ Bổ sung các bài tập mới
- ✓ Trình bày rõ ràng, dễ tra cứu
- ✓ Dành cho HS THPT luyện thi ĐH, CD

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Lời nói đầu

Bạn đọc thân mến!

*H*ãy các bạn đều biết ngữ pháp có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc học tiếng Anh vì nó hỗ trợ đắc lực cho các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Tiếng Anh ở các trường THPT hiện nay theo giáo trình giảng dạy và phương pháp dạy học mới với bốn kỹ năng được trau dồi có vai trò ngang nhau. Và các bạn học sinh THPT luôn muốn có vốn ngữ pháp tiếng Anh được hệ thống một cách bài bản, như vậy các bạn mới có thể nắm chắc kiến thức và nhờ đó học các kỹ năng khác một cách có hiệu quả.

Nắm bắt được điều đó, chúng tôi xin ra mắt bạn đọc cuốn sách “Bài tập ngữ pháp tiếng Anh dành cho THPT”. Cuốn sách được trình bày khoa học và logic nhằm củng cố kiến thức ngữ pháp trọng tâm của tiếng Anh THPT đồng thời có các bài tập dễ đến khó để các bạn luyện tập.

Chúng tôi hy vọng đây là cuốn sách mà các bạn cảm thấy hữu ích, đó là sự động viên cho chúng tôi tiếp tục ra mắt bạn đọc những cuốn sách hay hơn nữa để phục vụ bạn đọc. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các bạn.

Chúc các bạn thành công!

The Windy

Phần 1

NGỮ PHÁP CƠ BẢN

Bài 1:

THÌ CỦA ĐỘNG TỪ

1/ THÌ HIỆN TẠI ĐƠN: (PRESENT SIMPLE)

a, Hình thức:

S + V (s/es)

b, Cách dùng

- Diễn tả thói quen ở hiện tại hay một hành động thường được lặp đi lặp lại.

VD: He often goes to school by bike.



- Diễn tả một sự thật hiển nhiên

VD: The sun rises in the East.

- Diễn tả một sự việc đang có thực lúc nói

VD: Tan is the director of the DHL company in HCM city.

- Diễn tả sự nhận thức, cảm giác, tình trạng xảy ra lúc nói

VD: I feel very happy because I have passed the final exam.

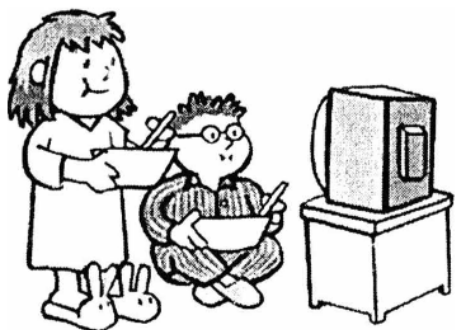
- Diễn tả một hành động hay một sự việc sẽ xảy ra trong tương lai

VD: The plane takes off in 15 minutes.

- Các động từ kết thúc là một trong các trường hợp: o, ch, x, z, s, sh khi đi với ngôi thứ 3 số ít thêm ES.

VD: She always watches TV in the evening.

- Thường dùng thời hiện tại đơn với một số các phó từ chỉ thời gian như: *today, present day, nowadays*,... và với các phó từ chỉ tần suất như: *always, sometimes, often, every* + thời gian ...



- Thì hiện tại đơn thường không dùng để diễn đạt hành động đang xảy ra ở thời điểm hiện tại (now), ngoại trừ với các động từ thể hiện trạng thái (stative verb) như sau: have, know, believe, hear, see, smell, wish, understand, hate, love, like, want, sound, need, appear, seem, taste, own,...
- Các từ trong danh sách trên thường cũng không bao giờ xuất hiện trong thì tiếp diễn (hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn)..

2/ THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN:

(PRESENT CONTINUOUS)

a, Hình thức:

S + to be (am/is/are) + V-ing

b, Cách dùng:

- Diễn tả một sự việc đang diễn ra lúc nói

VD: He is repairing his bicycle at the moment.

- Diễn tả một hành động lặp đi lặp lại nhiều lần gây ra bức mình khó chịu

VD: He is always phoning me at midnight.



- Các động từ trạng thái (stative verb) sau không được chia ở thể tiếp diễn (bất cứ thời nào) khi chúng là những động từ tĩnh diễn đạt trạng thái cảm giác của hoạt động tinh thần hoặc tính chất của sự vật, sự việc. Nhưng khi chúng quay sang hướng động từ hành động thì chúng lại được phép dùng ở thể tiếp diễn: know, believe, hear, see, smell, wish, understand, hate, love, like, want, sound, have, need, appear, seem, taste, own

VD: He has a lot of books. ("có" không phải là hành động)

He is having dinner now. (Động từ hành động: "ăn tối")